

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Liccogi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cơ khí Đông Anh, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 và Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 31/12/2013 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số với mã số doanh nghiệp 0100106391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2014, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27/8/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 ngày 11/4/2014 là 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: CKD

Trụ sở chính của Công ty tại Tô 8, trị Trần Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Lại Văn Đàm	Chủ tịch HĐQT (Thôi giữ chức vụ ngày 01/02/2015)
	Ông Lã Quý Duẩn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2015)
	Ông Ưng Tiến Đỗ	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
	Ông Đặng Văn Chung	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ	Thành viên
	Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên
	Ông Đoàn Xuân Luyện	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lã Quý Duẩn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/2/2015)
	Ông Nguyễn Đình Hứa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được soát xét bởi Công ty Hợp canh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn các tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

5/10 / 09 / 08 / 15

Số: 470/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, công tác bàn giao phần vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh sang Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI chưa được hoàn thành.



Đình Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	MS	TM	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		515.065.089.934	486.111.048.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	88.887.846.002	63.030.685.584
1. Tiền	111		78.887.846.002	53.030.685.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		193.583.207.652	199.858.664.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	155.478.418.368	139.536.583.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.613.800.056	5.755.243.366
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	12.490.989.228	54.566.837.744
IV. Hàng tồn kho	140		217.769.234.798	207.733.253.988
1. Hàng tồn kho	141	5.5	217.769.234.798	207.733.253.988
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.824.801.482	15.488.444.610
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	14.683.815.066	14.797.532.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		140.986.416	690.912.504
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.177.790.525	260.979.097.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(181.948.300)	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(181.948.300)	-
II. Tài sản cố định	220		68.462.566.726	76.642.889.630
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	65.981.089.625	76.642.889.630
- Nguyên giá	222		289.209.442.633	288.707.685.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.228.353.008)	(212.064.795.903)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	2.481.477.101	-
- Nguyên giá	225		2.646.908.909	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(165.431.808)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.363.327.223	20.495.162.620
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	25.363.327.223	20.495.162.620
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		159.253.337.143	159.253.337.143
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	159.253.337.143	159.253.337.143
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.280.507.733	4.587.708.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	4.280.507.733	4.587.708.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		772.242.880.459	747.090.146.238

53
T
AI
O
NA
18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	MS	TM	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		451.643.923.377	429.954.506.835
I. Nợ ngắn hạn	310		423.485.111.432	400.540.252.016
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	51.589.676.844	48.000.041.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.483.963.672	11.404.379.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.361.465.016	4.536.002.077
4. Phải trả người lao động	314		9.418.500.894	11.333.158.697
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	11.900.000	177.619.940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		8.485.589.386	8.485.589.386
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		8.084.286.936	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	34.328.889.171	32.776.402.414
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	282.823.033.136	271.674.010.750
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.897.806.377	12.153.047.477
II. Nợ dài hạn	330		28.158.811.945	29.414.254.819
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	28.158.811.945	29.414.254.819
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.598.957.082	317.135.639.403
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	320.598.957.082	317.135.639.403
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.197.434.943	4.197.434.943
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.938.204.460	2.938.204.460
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.463.317.679	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.463.317.679	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		772.242.880.459	747.090.146.238
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động
			từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	426.972.654.538
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	289.903.625
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		426.682.750.913
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	378.707.834.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.974.916.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	684.295.723
7. Chi phí tài chính	22	5.20	9.339.325.770
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.234.182.343
8. Chi phí bán hàng	25	5.21	9.051.871.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	25.775.263.198
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.492.751.905
11. Thu nhập khác	31	5.22	281.863.636
12. Chi phí khác	32	5.22	150.000.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	131.863.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		4.624.615.541
15. Chi phí thuế TNDN Hiện hành	51	5.23	1.077.070.290
16. Chi phí thuế TNDN Hoàn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.547.545.251
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	114

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp trực tiếp)


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015

CHỈ TIÊU	MS	VND
	2	3
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	443.851.005.716
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(380.133.522.588)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(36.200.129.853)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.366.810.487)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.676.477)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.691.082.286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(45.063.826.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.227.877.970)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.182.365.428)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.535.740.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	35.353.375.264
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	336.916.830.731
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(327.023.251.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.893.579.512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	26.019.076.806
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.030.685.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(161.916.388)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	88.887.846.002

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cơ khí Đông Anh, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 và Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 31/12/2013 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0100106391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2014, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27/8/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 ngày 11/4/2014 là 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: CKDA

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 8, trị Trần Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân trong kỳ: 920 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, và chứng khoán); Kinh doanh bất động sản; Nấu và tôi luyện thép, các sản phẩm đúc; Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ; Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng; Kinh doanh xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất, gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa, đại tu ô tô, máy kéo;
- Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2015, Công ty liên doanh và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên doanh			
- Công ty TNHH KCN Thăng Long	Cho thuê KCN	42%	42%
Đơn vị trực thuộc			
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian		
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Kết cấu thép và xây lắp CKDA	Thi công lắp ráp giàn không gian.		
- Trung tâm nghiên cứu phát triển và Cơ khí Xây dựng			

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015.

10/01/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2015
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2015

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2015	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	21.790	21.835
30/06/2015	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	21.780	21.840
30/06/2015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	21.775	21.840
30/06/2015	Ngân hàng TNHH MTV ANZ	21.735	21.835

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày cấu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

53
T
AI
TO
NA
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Đối với giá thành sản phẩm Nhóm tính theo phương pháp phân bước sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	<hr/>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 05
Tài sản khác	03 - 08

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí lãi vay được sử dụng vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ: 789.799.217 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay
-



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

KINH DOANH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

LICOGI

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn: đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Chi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền bêu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nấu, tôi luyện thép các sản phẩm đúc, sản xuất kinh doanh sản phẩm nhôm hợp kim định hình; chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian và tiêu thụ sản phẩm trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

37
TY
VN
CÁ
AI

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.184.227.800	1.341.337.700
Tiền gửi ngân hàng	77.703.618.202	51.689.347.884
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	88.887.846.002	63.030.685.584

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Vốn Quyền năm giữ biểu quyết				
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143
Công ty TNHH KCN Thăng Long	42%	42%	159.253.337.143	159.253.337.143
Tổng	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Văn phòng Công ty	127.649.788.216	110.663.038.199
Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch	19.735.373.028	9.594.964.216
Cty TNHH MTV xi măng Vicem Hải Phòng	4.616.784.196	4.143.097.046
Công ty Xi măng Nghi Sơn	5.998.391.740	1.405.209.300
CN Cty CP XM Hà Tiên 1-NM XM Kiên Lương	4.796.004.237	14.704.326.204
Công ty CP Lilama 69.3	-	3.254.610.512
Công ty TNHH Tập Đoàn Hoàng Phát VISSAI	11.720.858.246	1.624.302.196
CN Công ty CP XM Hà tiên 1-Trạm nghiên Cam Ranh	3.126.982.872	26.411.000
Công ty cổ phần xi măng Đồng Bành	3.944.169.900	-
Cty DV Ngô Quyền -TTHT Triển lãm Hải Phòng	3.286.000.000	3.286.000.000
Công ty COSEVCO 9	3.346.494.000	3.346.494.000
BQL dự án Xây dựng Thành phố Đà Nẵng	3.854.751.000	3.854.751.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	21.469.686.846	22.469.686.846
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	10.487.693.606	10.487.693.606
Các đối tượng khác	31.266.598.545	32.465.492.273
Nhà máy Nhôm	26.524.901.371	27.294.184.706
- Phải thu khách hàng Công trình		
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	3.068.143.686	3.050.830.676
Tổng Công ty xây dựng & phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV	2.582.365.127	-
Phải thu các khách hàng khác	7.989.032.042	13.621.157.046
- Phải thu khách hàng mua (NMN)	1.376.496.987	2.419.691.898
- Phải thu Khách hàng mua (KD1)	5.720.998.543	5.878.957.646
- Phải thu Khách hàng mua (KD2)	4.416.819.317	1.503.444.161
- Khách hàng mua cửa hàng GTSP	1.233.535.232	749.543.660
- Phải thu Khách hàng mua (KD3)	137.510.437	70.559.619
Nhà máy kết cấu	1.303.728.781	1.579.360.191
Các khoản các đối tượng khác	1.303.728.781	1.579.360.191
Tổng	155.478.418.368	139.536.583.096

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	12.490.989.228	-	54.566.837.744	-
- Phải thu Lợi nhuận được chia Công ty TNHH KCN Thăng Long	-	-	45.447.449.604	-
- Ký cược, ký quỹ	7.244.681.034	-	4.829.058.610	-
- Tạm ứng	2.094.862.620	-	1.432.953.095	-
- Phải thu khác	3.151.445.574	-	2.857.376.435	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	12.490.989.228	-	54.566.837.744	-

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.016.606.747	-	55.079.384.155	-
Công cụ, dụng cụ	5.912.409.544	-	5.323.878.432	-
Chi phí SX KDDD	130.244.199.714	-	116.135.752.820	-
Thành phẩm	32.612.691.865	-	29.074.511.048	-
Hàng gửi bán	2.983.326.928	-	2.119.727.533	-
Tổng	217.769.234.798	-	207.733.253.988	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dây chuyền cán Bi rèn công suất 12000 tấn F30, F50	23.222.319.528	17.773.642.720
Xe Ô tô BMW 5 chỗ (BKS: 484.26)	-	2.552.650.000
Thiết bị phụ trợ, & hệ thống điện, giá đỡ TG Xưởng sơn mới NMKC	216.948.318	-
Nhà Xưởng sơn mới NMKC/2015	687.989.604	-
Sửa chữa máy phân tích quang phổ	140.625.000	-
Sửa chữa máy xóc bi (PX. Đức II)	121.878.922	-
Sửa chữa dây chuyền DISA /2015	627.435.851	-
Máy nén khí không bình sử dụng điện/2015 (Nhật)	95.400.000	-
Sửa chữa máy CNC/2015	250.730.000	-
Đầu tư máy ép bùn khung bản	-	168.869.900
Tổng	<u>25.363.327.223</u>	<u>20.495.162.620</u>

101 0 0 0 2 1 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	82.203.818.818	189.990.643.854	14.886.443.107	716.872.455	909.907.299	288.707.685.533
Tăng trong kỳ	-	216.757.100	-	-	285.000.000	501.757.100
Mua trong kỳ	-	-	-	-	285.000.000	285.000.000
XDCB hoàn thành	-	216.757.100	-	-	-	216.757.100
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	82.203.818.818	190.207.400.954	14.886.443.107	716.872.455	1.194.907.299	289.209.442.633
GIÁ TRỊ HAO MÒN LÝ KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	43.339.407.458	157.476.427.767	10.041.206.685	451.680.854	756.073.139	212.064.795.903
Tăng trong kỳ	2.294.529.600	7.833.390.187	932.872.298	61.714.822	41.050.198	11.163.557.105
Khấu hao trong kỳ	2.294.529.600	7.833.390.187	932.872.298	61.714.822	41.050.198	11.163.557.105
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2015	45.633.937.058	165.309.817.954	10.974.078.983	513.395.676	797.123.337	223.228.353.008
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	38.864.411.360	32.514.216.087	4.845.236.422	265.191.601	153.834.160	76.642.889.630
Tại 30/6/2015	36.569.881.760	24.897.583.000	3.912.364.124	203.476.779	397.783.962	65.981.089.625

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

37.081.418.665

8.975.984.321

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Tăng trong kỳ	2.646.908.909	2.646.908.909
Mua trong kỳ	2.646.908.909	2.646.908.909
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2015	<u>2.646.908.909</u>	<u>2.646.908.909</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Tăng trong kỳ	165.431.808	165.431.808
Khấu hao trong kỳ	165.431.808	165.431.808
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2015	<u>165.431.808</u>	<u>165.431.808</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	-	-
Tại 30/6/2015	<u>2.481.477.101</u>	<u>2.481.477.101</u>

5.9 Chi phí trả trước

	30/6/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	14.683.815.066	14.797.532.106
Chi phí Khuôn đúc ép các loại	13.968.198.717	13.700.344.506
Công cụ dụng cụ phân bổ	661.302.212	921.392.704
Chi phí sửa chữa	39.810.444	143.886.771
Chi phí Bảo hiểm xe ô tô	14.503.693	31.908.125
Dài hạn	4.280.507.733	4.587.708.457
Lợi thế kinh doanh	1.362.317.562	1.627.994.133
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.002.286.512	1.747.372.207
Dầu Total Azolla ZS 68	313.011.771	438.216.480
Chi phí sửa chữa	587.475.221	740.208.970
Chi phí lập dự án xả thải	15.416.667	33.916.667
Tổng	<u>18.964.322.799</u>	<u>19.385.240.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2015		Trong kỳ		01/01/2015		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay							
Vay ngắn hạn	282.823.033.136	282.823.033.136	332.827.752.891	321.678.730.505	271.674.010.750	271.674.010.750	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	64.660.978.938	64.660.978.938	74.282.325.851	74.827.518.488	65.206.171.575	65.206.171.575	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Đông Anh Hà Nội	-	-	-	5.677.339.498	5.677.339.498	5.677.339.498	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	106.353.658.452	106.353.658.452	131.963.412.474	110.413.596.376	84.803.842.354	84.803.842.354	
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Gia Lâm	40.606.519.687	40.606.519.687	48.760.592.141	43.315.505.929	35.161.463.475	35.161.463.475	
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên - PGD Đông Anh	15.394.310.470	15.394.310.470	22.013.886.836	26.514.665.014	19.895.088.648	19.895.088.648	
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	55.807.535.589	55.807.535.589	55.807.535.589	46.656.106.177	46.656.106.177	46.656.106.177	
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ	25.759.671.945	25.759.671.945	3.762.759.840	4.864.692.714	26.861.604.819	26.861.604.819	
Vay dài hạn							
- Từ 12 tháng - 60 tháng							
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Gia Lâm	528.209.454	528.209.454	-	132.052.364	660.261.818	660.261.818	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	16.955.988.803	16.955.988.803	3.762.759.840	50.500.000	13.243.728.963	13.243.728.963	
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	1.340.000.002	1.340.000.002	-	446.666.666	1.786.666.668	1.786.666.668	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đông Anh	1.589.473.686	1.589.473.686	-	1.589.473.684	3.178.947.370	3.178.947.370	
Vay các cá nhân	5.346.000.000	5.346.000.000	-	2.646.000.000	7.992.000.000	7.992.000.000	
Tổng	308.582.705.081	308.582.705.081	336.590.512.731	326.543.423.219	298.535.615.569	298.535.615.569	

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Nợ thuế tài chính	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	
	Tổng khoản tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế

Trên 1 năm đến 5 năm

Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

2.878.968.000 132.628.144 479.828.000

- Hợp đồng tín dụng số 01/12/TDHI/VCB.CD-CKDA ngày 18/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Công ty Số tiền vay: 21.500.000.000 VND; Mục đích sử dụng: “Đầu tư phân xưởng sản xuất bi rên công suất 12.000 tấn/năm”; Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bền vay rút khoản vốn đầu tiên, Lãi suất cho vay, sẽ được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ; Biện pháp đảm bảo tiền vay: Bền vay thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của dự án “Đầu tư phân xưởng sản xuất bi rên công suất 12.000 tấn/năm”
- Hợp đồng tín dụng số 05/2013-HĐTDDA/NHCT144-XLDA ký tháng 12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Công ty; Mục đích sử dụng: Đầu tư 01 máy tiện đứng; Số tiền vay: 2.680.000.000 VND; Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên; Lãi suất cho vay: Là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 22-2013/HĐTC/NHCT144-CKĐA ngày 20/11/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV ngày 01/08/2014 giữa Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Gia Lâm và Công ty; Hạn mức dư nợ : 54.000.000.000 VND; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Lãi suất: là lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần vào ngày đầu tiên của mỗi quý trong năm. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tin dụng đối với khoản vay thu mua trong nước: 8.50%/năm; vay thanh toán hàng hóa, vật tư nhập khẩu: 7,00%/năm; Thời hạn cho vay: theo thỏa thuận của từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; Hình thức đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp Số 012011/HĐTC ngày 12/07/2011, phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHD.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 181.14.031.588099.TD ngày 11/08/2014 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên và Công ty CP CKĐA; Hạn mức tín dụng: Khoản tín dụng với tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 70.000.000.000 VND, trong đó dư nợ tối đa là 50.000.000.000 VND; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, mở LC/phát hành bảo lãnh thực hiện hoạt động kinh doanh; Thời hạn cho vay: tối đa 08 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của Khoản Tín dụng đó; Lãi suất: Được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tài thời điểm giải ngân; Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi của Bền vay trị giá 10.000.000.000 VND và một số tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTDHM/NHCT144-CKĐA tháng 06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Công ty Hạn mức cho vay: 90.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn cho vay: Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu: tối đa không quá 03 tháng/giấy nhận nợ. Đối với hoạt động kinh doanh khác: tối đa không quá 06 tháng/giấy nhận nợ; Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 5,5%/năm; Biện pháp đảm bảo: theo HD thế chấp quyền phải thu số 11/2015/HĐTCQP/NHCT144-CKĐA ký ngày 10/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức Số 01/15/HM/VND/VCB.CD-CKĐA ngày 03/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Chương Dương và Công ty; Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND, Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn cho vay: Tối đa với mỗi giấy nhận nợ là 08 tháng; Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp tài sản: Quyền thuê đất và quyền sử dụng thửa đất thuê đối với thửa đất thuộc “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng Số 02/15/HM/LC/VCB.CD-CKĐA ngày 03/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và Công ty; Hạn mức tín dụng: 3,000,000 USD; Mục đích: Nhập khẩu nguyên vật liệu, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 150789 giữa Công ty với Ngân hàng TNHH MTV HSBC(Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội; Hạn mức tín dụng: 3.500.000 USD; Thời hạn: 150 ngày; Lãi suất: Lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/Ngoại tệ khác(của thời hạn trong Thông báo rút vốn) cộng với Lãi biên LỢI ĐÀ 1,5%/năm; Mục đích: Bổ sung vốn; Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/DUL; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN 100481/MS; Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VHN 100481/MR.
- Bản sửa đổi thứ năm thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 09/06/2015 giữa Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI và Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam.
- Hợp đồng thuê tài chính Số: 123.14.05/CTTC ngày 26/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty CP Cơ khí Đông Anh; Về việc thuê : 01 xe ô tô BMW 528i giá trị: 2.552.650.000 VND + 100% lệ phí trước bạ; Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Số tiền cho thuê: 2.552.650.000 VND + 100% lệ phí trước bạ và chi phí hợp lý khác (nếu có); Giá bán danh nghĩa: 1.000.000 VND/xe; Thời hạn thuê: 36 tháng kể từ khi bên A chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp, trong đó: Thời gian ân hạn gốc là: 03 tháng; Thời gian thu hồi nợ gốc là 33 tháng; Thanh toán theo chu kỳ: 3 tháng; Lãi suất: làn giai ngân đầu tiên : 9,9%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	51.589.676.844	51.589.676.844	52.703.413.003	52.703.413.003
- Văn phòng Công ty	-	-	-	-
Công ty lắp máy điện nước (Licogi)	5.194.626.896	5.194.626.896	5.894.626.896	5.894.626.896
Công ty TNHH Tân An	3.630.805.200	3.630.805.200	-	-
DNTN - Xí nghiệp TM DV Hương Quang	3.746.784.800	3.746.784.800	1.346.593.600	1.346.593.600
Cửa hàng KD PL kim loại Văn Sơn	3.157.521.000	3.157.521.000	3.401.702.000	3.401.702.000
Công ty TNHH MTV sơn bột Đông Tai Việt Nam	-	-	4.703.371.200	4.703.371.200
Các đối tượng phải trả khác	17.192.496.900	17.192.496.900	21.440.738.315	21.440.738.315
<i>Nhà máy Nhiệt</i>				
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Đông Anh LICOGI	3.659.223.294	3.659.223.294	1.154.247.101	1.154.247.101
Công ty TNHH MTV Sơn Bột Đông Tai Việt Nam	3.423.857.514	3.423.857.514	1.611.446.375	1.611.446.375
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.917.575.733	8.917.575.733	10.006.646.045	10.006.646.045
<i>Nhà máy Kết cấu</i>				
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.666.785.507	2.666.785.507	3.144.041.471	3.144.041.471
Tổng	51.589.676.844	51.589.676.844	52.703.413.003	52.703.413.003

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015
	Phải nộp	4.176.201.042	48.752.879.111	45.567.615.137
Thuế giá trị gia tăng	1.132.386.787	42.635.175.825	41.880.488.803	1.887.073.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(359.801.035)	1.082.746.767	5.676.477	717.269.255
Thuế thu nhập cá nhân	83.306.000	203.190.500	235.707.000	50.789.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.320.309.290	4.825.766.019	3.439.742.857	4.706.332.452
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phải thu	331.111.469	2.956.853.728	2.766.728.675	140.986.416
Thuế XNK	331.111.469	2.956.853.728	2.766.728.675	140.986.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	11.900.000	177.619.940
Trích trước chi phí chế tạo cấu kiện GKG AEON Gia Lâm	-	145.247.940
Trích trước tiền ăn ca, độc hại (NMKC)	-	32.372.000
Trích trước chi phí lãi vay huy động vốn CBNV tháng 6/2015	11.900.000	-
Tổng	11.900.000	177.619.940

5.14 Phải trả khác

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	34.328.889.171	32.776.402.414
Kinh phí công đoàn	129.191.000	68.551.000
Bảo hiểm xã hội	1.608.540.189	600.000.000
Bảo hiểm y tế	128.150.323	-
Bảo hiểm thất nghiệp	54.300.241	-
Phải trả về cổ phần hóa	2.524.481.089	2.524.481.089
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	27.900.000.000	27.900.000.000
Phải trả, phải nộp khác	1.984.226.329	1.683.370.325
Dài hạn	-	-
Tổng	34.328.889.171	32.776.402.414

12/1/2015 14:14

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	310.000.000.000	-	4.197.434.943	2.938.204.460	-	317.135.639.403
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	3.547.545.251	3.547.545.251
Giảm khác	-	-	-	-	(84.227.572)	(84.227.572)
Số dư tại 30/6/2015	310.000.000.000	-	4.197.434.943	2.938.204.460	3.463.317.679	320.598.957.082

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	276.097.000.000	276.097.000.000
Các cổ đông khác	33.903.000.000	33.903.000.000
Tổng	310.000.000.000	310.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp tại đầu kỳ	310.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp tại cuối kỳ	310.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.000.000	31.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụKỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

426.103.737.834

Doanh thu cung cấp dịch vụ

868.916.704

Tổng**426.972.654.538****5.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Chiết khấu thương mại

-

Giảm giá hàng bán

-

Hàng bán bị trả lại

289.903.625

Tổng**289.903.625****5.18 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Giá vốn hàng hóa thành phẩm

378.018.778.345

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

689.056.403

Tổng**378.707.834.748****5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

683.188.155

Lãi chênh lệch tỷ giá

1.107.568

Tổng**684.295.723**H
K
V

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Bảo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	7.234.182.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.972.515.283
Chi phí lãi đi thuê tài chính	132.628.144
Tổng	9.339.325.770

5.21 Chi phí bán hàng/Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí bán hàng	9.051.871.015
Chi phí nhân viên	3.836.961.919
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	666.936.626
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	52.409.257
Chi phí khấu hao TSCĐ	177.350.880
Chi phí bảo hành	478.215.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.329.439
Chi phí bằng tiền khác	3.073.667.880
Chi phí quản lý	25.791.620.272
Chi phí nhân viên quản lý	11.901.655.295
Chi phí vật liệu quản lý	1.181.671.426
Chi phí đồ dùng văn phòng	287.604.207
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.173.698.616
Thuế phí và lệ phí	7.876.247.450
Chi phí dự phòng	181.948.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.502.472
Chi phí bằng tiền khác	2.799.292.506
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(16.357.074)
Điều chỉnh do hạch toán nhầm	(16.354.000)
Các khoản ghi giảm khác	(3.074)
Tổng	34.827.134.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Thu nhập khác	
Lãi quá hạn khách hàng chậm thanh toán	145.500.000
Thu nhập khác	136.363.636
Tổng	281.863.636
Chi phí khác	
Chi phí khác	150.000.000
Tổng	150.000.000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	131.863.636

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.624.615.541
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	271.158.509
+ <i>Thù lao HDQT, BKS không chuyên trách</i>	108.000.000
+ <i>Chi phí khấu hao vượt quá 1,6 tỷ</i>	163.158.509
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.895.774.050
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.077.070.290

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Kỳ hoạt động
từ 01/01/2015
đến 30/6/2015
VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	326.346.593.014
Chi phí nhân công	38.994.882.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.328.988.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.831.477.697
Chi phí khác bằng tiền	20.345.115.339
Tổng	415.847.057.876

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Bảo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	3.547.545.251
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.547.545.251
Các khoản điều chỉnh	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.547.545.251
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	31.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	114

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	1.643.985.000
Tổng	1.643.985.000

Giao dịch các bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	30/6/2015	01/01/2015
		VND	VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (Licogi)	Tiền lợi nhuận liên doanh KCN Thăng Long Quý I/2014 phải nộp về TCT theo Nghị quyết số 65NQ/TCT ngày 22/12/2014	8.485.589.386	8.485.589.386

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nấu, tôi luyện thép các sản phẩm đúc, sản xuất kinh doanh sản phẩm nhôm hợp kim định hình; chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian và tiêu thụ sản phẩm trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh về theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.887.846.002	63.030.685.584
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.969.407.596	194.103.420.840
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	159.253.337.143	159.253.337.143
Tổng	416.110.590.741	416.387.443.567
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	310.981.845.081	301.088.265.569
Phải trả người bán và phải trả khác	85.918.566.015	80.776.444.217
Chi phí phải trả	11.900.000	177.619.940
Tổng	396.912.311.096	382.042.329.726

Công nợ tài chính

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	282.823.033.136	28.158.811.945	310.981.845.081
Phải trả người bán và phải trả khác	85.918.566.015	-	85.918.566.015
Chi phí phải trả	11.900.000	-	11.900.000

01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	271.674.010.750	29.414.254.819	301.088.265.569
Phải trả người bán và phải trả khác	80.776.444.217	-	80.776.444.217
Chi phí phải trả	177.619.940	-	177.619.940

Tài sản tài chính

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.887.846.002	-	88.887.846.002
Phải thu khách hàng và phải thu khác	167.969.407.596	-	167.969.407.596
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	159.253.337.143	159.253.337.143
01/01/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.030.685.584	-	63.030.685.584
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.103.420.840	-	194.103.420.840
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	159.253.337.143	159.253.337.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.4 Thông tin so sánh

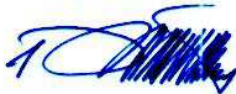
Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên số dư cuối kỳ năm 2014.

Do Công ty chuyển sang hoạt động mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 11/4/2014. Do vậy, Báo cáo tổng hợp giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 là kỳ Báo cáo giữa niên độ đầu tiên nên không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà